

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 4 và kế hoạch tháng 5 năm 2017

Chênh lệch nhiệt độ ngày và đêm lớn; giá cả hầu hết các mặt hàng nông sản: Dừa hấu, cá lóc, cá tra, heo hơi, gà thả vườn... giảm mạnh (chỉ có đậu phộng và dừa giá tăng cao) đã làm ảnh hưởng đáng kể đến sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Tuy nhiên, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp của tỉnh vẫn tiếp tục đạt được những kết quả tích cực, cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Trồng trọt:

- Cây lúa: Vụ Đông Xuân, thu hoạch 22.853 ha, nâng diện tích đã thu hoạch lên 51.513 ha, đạt 86% diện tích xuống giống (cao hơn cùng kỳ 4.296 ha), năng suất trung bình 5,78 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,2 tấn/ha), sản lượng 297.610 tấn (cao hơn cùng kỳ 33.926 tấn). Riêng diện tích mô hình cánh đồng lớn đã thu hoạch dứt điểm 3.175 ha, năng suất trung bình 6,2 tấn/ha. Vụ Hè Thu, xuống giống 4.598 ha, nâng diện tích đã xuống giống 6.104 ha (cao hơn cùng kỳ 4.534 ha), chủ yếu ở huyện Càng Long và Tiểu Cần, đa số đang trong giai đoạn mạ và đẻ nhánh, chỉ có 353 ha trong giai đoạn đồng trổ.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 4.723 ha, nâng diện tích đã gieo trồng 26.647 ha, đạt 47,33% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 132 ha), trong đó: Màu lương thực 3.437 ha đạt 37,6% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ 17 ha); màu thực phẩm 12.417 ha đạt 40,32% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ 53 ha); cây công nghiệp ngắn ngày 7.902 ha đạt 48,33% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 941 ha).

Tiếp tục thực hiện chương trình cùng nông dân bảo vệ môi trường ngành phối hợp với Trung tâm BVTV phía Nam, công ty Cổ phần tập đoàn Lộc Trời, UBND các xã, cùng nông dân địa phương tổ chức thu gom rác thải thuốc BVTV tại các huyện Trà Cú, Châu Thành, Cầu Kè, Tiểu Cần với số lượng 671 kg. Tổ chức phóng thích 45.000 con ong ký sinh tại huyện Trà Cú, Châu Thành và thành phố Trà Vinh để khống chế bọ cánh cứng hại dừa. Tổ chức tập huấn hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh trên lúa Hè Thu cho 128 nông dân ở huyện Càng Long và tập huấn, hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh trên cây ớt cho 70 nông dân ở xã Long Hiệp, huyện Trà Cú.

b) Chăn nuôi:

- Chăn nuôi đang gặp khó khăn do giá đầu ra sản phẩm xuống thấp, đặc biệt là nuôi heo và gia cầm trước tình trạng giá tiêu thụ thấp hơn giá thành, người nuôi thua lỗ nên lượng tái đàn giảm. Ước tính đàn vật nuôi đến tháng 4/2017 như sau: Đàn bò 200.000 con đạt 95,24% kế hoạch, đàn heo 360.000 con đạt 91,14% kế hoạch, đàn gia cầm 4,4 triệu con đạt 98% kế hoạch.

- Thực hiện kiểm dịch 35.678 con heo, 1.138 con trâu, bò, 344.490 con gia cầm và 66 tấn sản phẩm động vật. Nâng tổng số đến nay đã kiểm dịch 106.548 con heo; 3.538 con trâu, bò; 944.660 con gia cầm và 239 tấn sản phẩm động vật.

- Tiêm phòng cúm 607.100 gia cầm; tiêm phòng LMLM 3.171 gia súc; tiêm phòng các bệnh thường xuyên 74.900 gia súc; tiêm phòng đại chó, mèo 190 con và các bệnh khác 121.788 gia súc, gia cầm. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay tiêm phòng cúm 1.145.995 gia cầm; tiêm phòng LMLM 13.129 gia súc; tiêm phòng các bệnh thường xuyên 246.830 gia súc; tiêm phòng đại chó, mèo 1.013 con và các bệnh khác 275.991 gia súc, gia cầm. Cấp 8.460 lít hóa chất cho 5/9 huyện, thị xã, thành phố triển khai tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng đợt 1, các địa phương đã sử dụng 5.990 lít hóa chất phun xịt vệ sinh 9,5 triệu m² chuồng trại của 176.996 hộ chăn nuôi.

c) Lâm nghiệp: Tổ chức 103 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện 01 trường hợp vi phạm phá rừng làm thiệt hại 208 m²; vệ sinh 180 ha rừng phi lao; vận động 06 hộ dân sống ven rừng ký cam kết sử dụng lửa an toàn. Nâng tổng số đến nay tổ chức 319 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện 03 trường hợp vi phạm và đã xử lý theo quy định; vệ sinh 251 ha rừng phi lao; vận động 88 hộ dân sống ven rừng ký cam kết sử dụng lửa an toàn.

d) Thủy sản: Sản lượng thu hoạch 12.074 tấn. Nâng tổng sản lượng đã thu hoạch 42.625 tấn (đạt 25,12% kế hoạch), tăng 5.010 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 4.264 ha, thu hoạch 5.840 tấn. Nâng diện tích đã thả nuôi 30.059 ha (đạt 69,9% kế hoạch), thu hoạch 21.310 tấn (đạt 21% kế hoạch), cao hơn cùng kỳ 4.610 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 4.186 ha (775 triệu con giống), thu hoạch 2.201 tấn. Nâng tổng số đã thả nuôi 29.512 ha (2,57 tỷ con giống), gồm: Tôm sú 15.610 ha (1,06 tỷ con giống), tôm thẻ chân trắng 2.447 ha (1,46 tỷ con giống), cua biển 11.371 ha (49 triệu con); thu hoạch 6.062 tấn (cao hơn cùng kỳ 2.551 tấn), gồm: Tôm sú 1.382 tấn (tăng 590 tấn), tôm chân trắng 3.044 tấn (tăng 1.038 tấn), cua biển 1.173 tấn (tăng 534 tấn), còn lại là các loại thủy sản khác.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 78,5 ha (15,2 triệu con giống), thu hoạch 3.639 tấn, nâng tổng số đến nay thả nuôi 546 ha (62,2 triệu con giống), gồm: Cá lóc 124 ha, tôm càng xanh 170 ha, còn lại chủ yếu là diện tích cá các loại; thu hoạch 15.248 tấn (cao hơn cùng kỳ 2.059 tấn), gồm: Cá lóc 7.230 tấn, cá tra 4.245 tấn (tăng 2.791 tấn), tôm càng xanh 478 tấn (tăng 348 tấn), còn lại là các loại khác.

+ Tình hình bệnh và thiệt hại con giống: Do nhiệt độ chênh lệch ngày và đêm cao, độ mặn giảm, môi trường nước không ổn định; chất lượng tôm giống

đầu vụ không đảm bảo; bệnh đốm trắng, hoại tử gan tụy trên tôm, bệnh lở loét, xuất huyết trên cá xuất hiện... làm tôm, cá nuôi thiệt hại, theo số liệu tổng hợp nhanh đến nay có 84,6 triệu tôm sú (chiếm 7,9% lượng giống thả chung, 29% lượng giống thả nuôi thâm canh và bán thâm canh), diện tích 407 ha (chiếm 2,6% diện tích thả chung, 26,4% diện tích thả nuôi thâm canh và bán thâm canh); 241 triệu tôm thẻ chân trắng (chiếm 17,6% lượng giống thả nuôi) diện tích 415 ha (chiếm 17% diện tích thả nuôi); 241 triệu con cá lóc (diện tích 7,6 ha) bị thiệt hại.

+ Công tác phòng, chống dịch bệnh: Phân công cán bộ kỹ thuật xuống các địa phương để tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm và giám sát tình hình bệnh nhằm chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh. Kiểm dịch 329 triệu con tôm giống; thực hiện 39 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 48 mẫu giáp xác (13 mẫu tôm nuôi) phân tích phục vụ nuôi thủy sản (03 mẫu nhiễm bệnh đốm trắng ở Long Toàn và Long Vĩnh đã thông báo cho người dân nắm và hạn chế lấy nước); cấp 90 tấn hóa chất Chlorine từ nguồn dự trữ Quốc gia cho huyện: Cầu Ngang 40 tấn, Duyên Hải 20 tấn và thị xã Duyên Hải 30 tấn.

- Khai thác: Sản lượng 6.234 tấn (1.039 tấn tôm), nâng sản lượng khai thác lên 21.316 tấn (3.441 tấn tôm), đạt 31,2% kế hoạch (tăng 401 tấn so cùng kỳ), gồm: Khai thác nội đồng 3.044 tấn (934 tấn tôm), khai thác biển 18.271 tấn (2.507 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.608 tấn (tôm sú 80 tấn, tôm thẻ 680 tấn), chế biến 731 tấn, tiêu thụ 673 tấn, kim ngạch xuất khẩu 4,3 triệu USD. Nâng sản lượng các doanh nghiệp thu mua lên 3.684 tấn (tôm sú 229 tấn, tôm thẻ 1.436 tấn), chế biến 1.855 tấn, tiêu thụ 1.781 tấn, kim ngạch xuất khẩu 9,7 triệu USD.

e) Phát triển nông thôn:

- Chương trình xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Các địa phương lồng ghép, tuyên truyền về tiêu chí nông thôn mới, tiêu chuẩn hộ gia đình nông thôn mới, vận động người dân trồng cây xanh làm hàng rào, xây dựng cột cờ kết hợp với đèn chiếu sáng đảm bảo an ninh trật tự cho 8.929 lượt người. Nâng tổng số được tuyên truyền lên 15.922 lượt người và công nhận 197 ấp đạt chuẩn ấp nông thôn mới (chiếm 28,9% số ấp); 137.289 hộ đạt chuẩn hộ nông thôn mới (chiếm 61,47% số hộ phát động).

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về nông thôn mới: Có 23 xã đạt 19 tiêu chí; 13 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí; 49 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí.

- Ngành nghề nông thôn: Thu thập thông tin, số liệu thực tế để lập Đề án phát triển ngành nghề nông thôn; xây dựng báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 19/6/2015 của Tỉnh ủy về lãnh đạo phát triển ngành nghề nông thôn.

- Chương trình bố trí dân cư: Tiếp tục theo dõi, kiểm tra tiến độ thi công Dự án Kè chống sạt lở bảo vệ khu vực thị trấn Tiểu Cần bờ phải với tổng chiều dài 659 m (kết quả thực hiện đạt 35% khối lượng), riêng đối với bờ kè trái đang đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh gia hạn thời gian thi công; dự án Di

dân sạt lở áp Cồn Phụng đã ký hợp đồng ủy thác với Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh. Phối hợp với UBND xã Trường Long Hòa chuẩn bị di dời dân áp Cồn Trúng vào khu di dân tập trung.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu Dự án mở rộng tuyến ống cấp nước trạm cấp nước xã Nhị Long và tổ chức lựa chọn nhà thầu Dự án nâng cấp Nhà máy nước sạch xã Đại Phước. Trong tháng đã lắp đặt cho 766 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đã cung cấp cho 98.076 hộ.

2. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quy hoạch:

- Tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai xây dựng Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; quy hoạch nuôi tôm nước lợ; rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu mía và Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Chuẩn bị thủ tục hồ sơ để ký hợp đồng tư vấn rà soát, điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi trình UBND tỉnh phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.

b) Tham mưu xử lý, ban hành văn bản:

- Xây dựng dự thảo Kế hoạch tập huấn cho cán bộ, công chức các cấp và người dân về tái cơ cấu nông nghiệp, kinh tế hợp tác, an toàn vệ sinh thực phẩm và quản lý môi trường nông thôn theo chỉ đạo của Tỉnh ủy.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh phê duyệt mức thiệt hại của các hộ dân ở xã Dân Thành thị xã Duyên Hải và xã Đông Hải huyện Duyên Hải do thực hiện công trình luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu; phê duyệt kết quả diễn biến rừng và đất lâm nghiệp năm 2016; phê duyệt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 23/01/2017 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2025 và định hướng đến năm 2030; phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai năm 2017; phê duyệt Phương án ứng phó sự cố thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2017.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cho chủ trương triển khai thực hiện Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Kết hợp địa phương tổ chức thực hiện được 192 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 128.547 m, khối lượng 289.977 m³. Nâng đến nay thực hiện được 204 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 135.697 m, khối lượng 305.827 m³ (đạt 25,3% kế hoạch).

- Nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng công trình nạo vét 09 kênh thủy lợi nội đồng thuộc nguồn vốn khắc phục hạn, mặn năm 2016 tại xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải.

- Tổ chức 18 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 03 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê. Nâng đến nay tổ chức 57 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 15 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

- Tiếp tục theo dõi kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công các công trình: Duy tu, sửa chữa tuyến đê biển đoạn Tổng Long – Bắc Trang; công trình sửa chữa đảm bảo giao thông đê Hải Thành Hòa, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải; công trình sửa chữa 05 cầu giao thông và trên tuyến đê Tả - Hữu Sông Cổ Chiên; công trình xử lý sạt lở chân kè bảo vệ đê Tả - Hữu sông Cổ Chiên và sục lún Kè bảo vệ bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải đã nghiệm thu bàn giao cho địa phương sử dụng.

d) Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi tình hình thực hiện của 21 dự án (03 dự án khởi công mới, 16 dự án chuyển tiếp, 02 dự án hoàn thành), gồm: 08 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 08 công trình đê, kè; 05 công trình dân dụng, đã giải ngân 10 tỷ đạt 7,13% kế hoạch.

e) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

- Chuẩn bị nội dung họp triển khai Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 02/3/2017 về việc thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Khảo sát hiện trạng và xây dựng kế hoạch hỗ trợ HTX nông nghiệp Phú Cần, huyện Tiểu Cần.

- Tổng hợp ý kiến đóng góp xây dựng phương án cánh đồng lớn của HTX nông nghiệp Thành Công, xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú (kết quả có 6/16 ý kiến góp ý, trong đó có 02 xã không thống nhất: Nhị Trường, huyện Cầu Ngang, Tân Hiệp, huyện Trà Cú).

f) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá:

- Tổ chức 18 lớp tập huấn kiến thức về VSATTP cho 754 cán bộ tại các xã nông thôn mới trên địa bàn các huyện: Châu Thành, Tiểu Cần, Càng Long và thành phố Trà Vinh; cấp phát 798 bộ tài liệu.

- Kiểm tra, đánh giá, phân loại 42 cơ sở sản xuất kinh doanh nông, thủy sản; cấp 22 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, 31 giấy xác nhận kiến thức ATTP; thu 64 mẫu (26 mẫu nông sản, 38 mẫu thủy sản) để phân tích, kiểm nghiệm dư lượng chất độc hại trong sản phẩm. Nâng tổng số đến nay kiểm tra, đánh giá, phân loại 95 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản, kết quả: 65 cơ sở loại A, 30 cơ sở loại B; cấp 47 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, 66 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 160 mẫu (58 mẫu nông sản, 102 mẫu thủy sản).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật 28 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 10 tàu, đăng ký 08 tàu, cấp 06 sổ danh bạ (29 thuyền viên); cấp 65 giấy phép khai thác thủy sản, 02 giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. Nâng tổng số đến nay

kiểm tra an toàn kỹ thuật được 130 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 33 tàu, đăng ký 44 tàu, xóa bộ 03 tàu, cấp 46 sổ danh bạ (205 thuyền viên), cấp 123 giấy phép khai thác thủy sản; toàn tỉnh hiện có 1.214 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 110.532 CV (248 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

+ Tổ chức thu phí 2.245 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 4.126 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 165 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay thu phí 3.958 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 7.381 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 400 triệu đồng.

- Thanh tra, kiểm tra: Đoàn thanh tra chuyên ngành tổ chức 06 cuộc thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm, phá rừng trái luật, kiểm dịch động vật, cải hoán tàu cá đối với 120 cá nhân, tổ chức; phát hiện 16 trường hợp vi phạm, ban hành 08 quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

g) Công tác khuyến nông và công tác giống:

- Công tác khuyến nông:

+ Tổ chức 86 lớp tập huấn kỹ thuật canh tác lúa và trồng các loại rau màu, kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng các loại thủy sản cho 2.421 lượt người tham dự tại huyện Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 142 lớp tập huấn cho 4.023 lượt người tham dự (trồng trọt 25 lớp 734 lượt người, chăn nuôi 36 lớp 1.030 lượt người, thủy sản 81 lớp 2.259 lượt người).

+ Phân công 13 viên chức trực tiếp tư vấn hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm nước lợ trên địa bàn các huyện ven biển tỉnh Trà Vinh cho 780 lượt hộ. Nâng tổng số đến nay trực tiếp tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho 1.030 lượt hộ về quy trình cải tạo ao, chọn con giống, kỹ thuật nuôi, phòng ngừa dịch bệnh và những lưu ý trong nuôi tôm nước lợ.

+ Tổ chức 01 cuộc tổng kết mô hình trồng thanh long trên vùng sinh thái khác tại xã Song Lộc, huyện Châu Thành, kết hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 cuộc tọa đàm “Giải pháp cải tạo ao nuôi bị thiệt hại” “Những giải pháp nhằm tăng năng suất, chất lượng lúa Hè Thu”. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 06 cuộc tổng kết, hội thảo, kết hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 03 cuộc tọa đàm và 01 bản tin thời sự.

+ Tiếp tục thực hiện các mô hình trình diễn: Mô hình trồng bắp chuyển đổi gen, trồng thâm canh cây gấc, luân canh lúa - tôm thẻ, trồng cà chua theo hướng an toàn sử dụng màng phủ nông nghiệp, xây dựng cánh đồng lớn thâm canh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa, xây dựng và nhân rộng mô hình giảm lượng hạt giống gieo sạ trong sản xuất lúa, canh tác lúa thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình chăn nuôi vịt biển.

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Chuẩn bị xuống giống khảo nghiệm 03 bộ giống lúa gồm: Bộ phẩm chất, bộ triển vọng và bộ Trà Vinh, diện tích 0,4 ha; nhân các giống lúa OM 5451, OM 9921, OM 344 tại xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, diện tích 05 ha; ghép 820 nhánh bưởi da xanh và 570 trái dứa giống.

+ Giống thủy sản: Nuôi vỗ và lưu giữ đàn cá tra, cá lóc bố mẹ chuẩn bị sản xuất giống phục vụ cho người nuôi trên địa bàn tỉnh; xuất bán 744 ngàn con giống tôm càng xanh toàn đực, 150 ngàn con giống tôm thẻ chân trắng.

h) Về tình hình hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp 2017:
Các đơn vị được phân công hỗ trợ đang hoàn chỉnh kế hoạch hỗ trợ để triển khai thực hiện các công việc như sau:

- Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản phối hợp với huyện Càng Long hỗ trợ xã điểm Tân Bình về chuyển đất lúa sang trồng cam sành, trồng màu; hỗ trợ thành lập mới tổ hợp tác, hợp tác xã nuôi gà và trồng màu; chăn nuôi khuyến khích cải tạo giống để nâng cao tầm vóc chất lượng đàn bò (hỗ trợ tinh bò theo Quyết định 50) và nuôi theo hướng an toàn dịch bệnh nạc hoá đàn heo.

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp với huyện Trà Cú hỗ trợ xã Phước Hưng và Hàm Tân, cụ thể: Xã Phước Hưng vận động người dân cải tạo vườn nhãn kém hiệu quả chuyển sang trồng bưởi da xanh, diện tích 13 ha; xã Hàm Tân triển khai mô hình nuôi tôm công nghệ cao và chăn nuôi bò tập trung.

- Các đơn vị còn lại đang phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế để xác định cụ thể các công việc hỗ trợ cho các xã điểm thực hiện tái cơ cấu.

i) Công tác ứng dụng triển khai thực hiện các chính sách:

- Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện năm 2017 gửi Bộ Tài chính phân bổ vốn và chỉ định, công bố các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, cung cấp liệu tinh, đào tạo kỹ thuật phối giống nhân tạo cho gia súc, cung cấp bình nitơ lỏng, xử lý chất thải chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Tài chính trình UBND tỉnh phê duyệt các định mức hỗ trợ chăn nuôi nông hộ áp dụng giai đoạn 2017-2020.

- Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ: Chuẩn bị hợp xét duyệt đóng mới 02 tàu cá; đến nay các tổ chức tín dụng đã giải ngân vay đóng mới 11/11 tàu cá được UBND tỉnh phê duyệt, với tổng dư nợ 119,19 tỷ đồng, đạt 82,43% số tiền cam kết.

- Chính sách hỗ trợ chuyển từ trồng lúa sang trồng bắp tại Quyết định 915/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Trong tháng chưa phát sinh mới, đến nay có 102,5 ha đất trồng lúa chuyển sang trồng bắp tập trung chủ yếu ở các huyện Cầu Kè, Cầu Ngang, Duyên Hải.

- Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: Công ty Lương thực Trà Vinh tiếp tục triển khai thực hiện phương án cánh đồng lớn sản xuất lúa vụ Đông xuân 2016-2017 được 953 ha trên địa bàn 6 xã của 02 huyện Tiểu Cần và Cầu Kè hiện đang tiến hành thu mua diện tích lúa đang thu hoạch; tiếp tục hướng dẫn HTX nông nghiệp Thành Công đang hoàn chỉnh chủ trương và phương án sản xuất cánh đồng sản xuất ớt làm cơ sở trình thẩm định và phê duyệt.

- Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Ngành đã tổ chức đoàn

nghiệm thu trang thiết bị đầu tư cho Công ty TNHH Lương thực Hiệp Tài để giải ngân vốn theo quy định.

- Chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND: Các huyện, thị xã, thành phố đang xây dựng kế hoạch làm cơ sở tổng hợp trình UBND tỉnh phân bổ vốn thực hiện.

- Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP: Ngành đang xây dựng quy định mức hỗ trợ cụ thể cho từng loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành.

3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc quản lý lịch thời vụ của một số địa phương chưa chặt nên tình hình xuống giống vụ lúa Xuân Hè tiếp tục xảy ra khoảng 4.534 ở 02 huyện Càng Long và Tiêu Càn.

- Diện tích chuyển đổi từ sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác còn ít, chưa đạt so kế hoạch đề ra, do đầu ra của các sản phẩm thực hiện chuyển đổi còn nhiều bấp bênh.

- Tình hình tái đàn trong chăn nuôi rất ít do giá đầu ra đang xuống thấp người nuôi thua lỗ.

- Bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng trên tôm tiếp tục xảy ra cục bộ ở một số địa phương, làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển nuôi tôm nước lợ do chưa thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh trước điều kiện thời tiết biến động bất thường như hiện nay.

- Công tác nạo vét các công trình thủy lợi nội đồng còn chậm so với kế hoạch đề ra do các địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc thực hiện sau khi kết thúc thu hoạch lúa Đông Xuân nhằm chủ động nước tưới cho vụ Hè Thu.

- Việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là chính sách tái cơ cấu nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh chưa đạt kế hoạch đề ra do các địa phương thiếu quan tâm thực hiện. Sở đã ban hành Công văn số 268/SNN-KHTC ngày 23/3/2017 về việc xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2017 gửi các huyện, thị xã, thành phố đến ngày 31/3/2017 hết hạn gửi kế hoạch nhưng đến nay chỉ có 7/9 huyện, thị xã, thành phố gửi kế hoạch còn 02 huyện Cầu Ngang và Châu Thành chưa gửi.

II. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 5

1. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt:

- Cây lúa: Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích lúa Hè Thu đã xuống giống, đồng thời khuyến cáo người dân cày ải, rửa phèn, vệ sinh đồng ruộng, chuẩn bị đất tiếp tục xuống giống lúa Hè Thu theo khung lịch thời vụ

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Hướng dẫn nông dân chăm sóc, thu hoạch màu Đông Xuân, triển khai xuống giống cây màu vụ Mùa năm 2017.

b) Chăn nuôi: Thực hiện hoàn thành tháng tiêu độc khử trùng và tiếp tục vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm; tập trung giám sát tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh; tăng cường kiểm dịch, kiểm soát giết mổ và kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y ở các cơ sở mua bán động vật, sản phẩm động vật; xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm không đúng theo qui định nhằm chủ động ngăn chặn nguy cơ lây lan dịch bệnh cho đàn vật nuôi của tỉnh; tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các Dự án trong Chương trình Heifer và Đề tài gà Đông Tảo trên địa bàn tỉnh.

c) Lâm nghiệp: Đẩy mạnh công tác tổ chức tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy chữa cháy rừng đến người dân; tăng cường công tác tuần tra quản lý bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã để kịp thời ngăn chặn các trường hợp vi phạm; hoàn thành công tác vệ sinh và tổ chức nghiệm thu phúc tra chi trả tiền vệ sinh phòng cháy chữa cháy rừng theo đúng quy định; tiếp tục chăm sóc cây giống đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn để triển khai trồng rừng phòng hộ năm 2017; nhanh chóng tham mưu xây dựng lại định mức kinh tế - kỹ thuật gieo ươm, trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng phòng hộ của tỉnh; hoàn thành báo cáo phục vụ cho Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát về các dự án trồng rừng phòng hộ của ngành.

d) Thủy sản: Tăng cường theo dõi chặt chẽ diễn biến và xác định cụ thể nguyên nhân gây bệnh trên tôm nuôi nước lợ và cá nuôi để có biện pháp phòng, chống kịp thời và hạn chế lây lan ra diện rộng; đẩy mạnh công tác tập huấn quy trình nuôi tôm VietGAP và các quy định pháp luật trong lĩnh vực thủy sản; tăng cường cán bộ kỹ thuật bám sát địa bàn các xã nuôi thủy sản nhằm hướng dẫn nông dân thả giống theo lịch thời vụ, thực hiện tốt công tác quan trắc, cảnh báo môi trường để có những khuyến cáo kịp thời cho người nuôi thủy sản; tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thực hiện tốt công tác đăng ký, đăng kiểm tàu cá và cấp, gia hạn giấy phép khai thác và quản lý tàu cá, quản lý khai thác thủy sản, quản lý nguồn lợi và môi trường thủy sản theo quy định; hoàn chỉnh Đề án đầu tư phát triển tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

e) Phát triển nông thôn: Biên soạn lại tài liệu tập huấn Chương trình xây dựng nông thôn mới; hoàn chỉnh kế hoạch và dự án đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; theo dõi tình hình sản xuất và tiêu thụ muối trên địa bàn 02 xã: Dân Thành, thị xã Duyên Hải và Đông Hải, huyện Duyên Hải; phối hợp với các Sở, ngành và địa phương tập trung hướng dẫn xây dựng huyện Tiểu Cần thành huyện nông thôn mới.

2. Công tác chuyên ngành:

- Công tác quy hoạch: Tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai xây dựng Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh; rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu mía và Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; Quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ; Quy hoạch thủy lợi trình UBND tỉnh phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cấp nước

sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn; xây dựng đề cương, dự toán trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt các quy hoạch: Quy hoạch Khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh; Quy hoạch vùng sản xuất lúa hữu cơ; Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật: Tổ chức 60 lớp tập huấn kỹ thuật về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản và tiếp tục theo dõi các mô hình khuyến nông còn lại của năm 2016; tổ chức tổng kết mô hình trồng bắp chuyên đổi gen tại xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú; xây dựng các dự án thuộc chương trình vốn sự nghiệp năm 2017.

- Công tác bảo vệ thực vật: Xây dựng và kiểm tra các điểm dự tính, dự báo sâu bệnh trên lúa Hè Thu và các loại cây trồng khác; kiểm tra diện tích cây nhãn, chôm chôm bị bệnh chổi rồng, cây dứa nhiễm bọ cánh cứng, cây thanh long bệnh đốm nâu; tiếp tục tổ chức nhân nuôi và thả ong ký sinh phòng trừ bọ cánh cứng hại dứa; tổ chức tập huấn cho nông dân các biện pháp khắc phục thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng.

- Về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm:

+ Tổ chức tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn cho các cán bộ quản lý của địa phương, hộ sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng về công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản đã đăng ký.

+ Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm, sản xuất, kinh doanh, ương dưỡng và vận chuyển giống thủy sản.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Tăng cường triển khai thực hiện tốt các chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, cụ thể: Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ chuyển từ trồng lúa sang trồng bắp tại Quyết định 915/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND,...

- Về Hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp 2017: Các đơn vị được phân công hỗ trợ các địa phương nhanh chóng hoàn thành kế hoạch, phối hợp triển khai thực hiện ngay những công việc bức xúc không đợi tới khi hoàn thành kế hoạch mới thực hiện. Đối với phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế thị

xã, thành phố nhanh chóng bắt tay vào cuộc, phối hợp chặt với các đơn vị, phòng của Sở được phân công hỗ trợ để thực hiện tốt kế hoạch đề ra.

3. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị, phòng thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng kinh tế thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Truyền

**BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
THÁNG 4 NĂM 2017**



Mã số	Chi tiêu	Đơn vị	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Thực hiện Tháng 4	Ước TH 4 tháng năm 2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
1	Cây hàng năm							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	97.138	175.300	9.321	92.666	95,40%	52,86%
1.1	Cây lương thực có hạt	Ha	71.223	125.300	5.083	68.331	95,94%	54,53%
	Cây lúa	Ha	70.359	119.000	4.598	66.020	93,83%	55,48%
	Vụ Hè Thu 2017							
	- DT gieo sạ	ha	1.570,2	64.000	4.598,30	6.104	388,76%	9,54%
	- Diện tích thu hoạch	Ha		64.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		55,00				
	- Sản lượng	tấn		352.000				
	Vụ Đông Xuân 2017							
	- DT gieo sạ	Ha	68.788,80	55.000		59.915,46	87,10%	108,94%
	- Diện tích thu hoạch		47.217,6	55.000	22.853,10	51.513,40	109,10%	93,66%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	55,84	68,0	63,2	57,8	103,45%	84,96%
	- Sản lượng	tấn	263.684	374.000	144.452	297.610,14	112,87%	79,57%
	Cây màu							
	Diện tích gieo trồng	Ha	26.779	56.300	4.723	26.647	99,51%	47,33%
	Diện tích thu hoạch	Ha	14.866	56.300	4.134	15.768	106,07%	28,01%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2.314,30	6.300	484,73	2.311,2	15,55%	36,69%
	- Diện tích thu hoạch	"	864,00	6.300	166	860,0		
	- Năng suất	Tạ/ha	55,24	54,44	59	56,1		
	- Sản lượng	Tấn	4.773	34.300	973	4.825,0		
1.2.	Cây có củ	Ha	1.106	2.850	209	1.126	101,80%	39,51%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	601,69	1.200	108,61	592,8	98,52%	49,40%
	+ Diện tích thu hoạch	"	163,40	1.200	53	159	97,31%	13,25%
	+ Năng suất	Tạ/ha	113,04	160,00	111	113,0	99,97%	70,63%
	+ Sản lượng	Tấn	1.847	19.200,00	572	1.797,0	97,29%	9,36%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	343,88	1.000	60,58	331,5	96,41%	33,15%
	+ Diện tích thu hoạch	"	69,00	1.000	11,0	65,0	94,20%	
	+ Năng suất	Tạ/ha	114,20	160,00	114,0	115,0	100,70%	
	+ Sản lượng	Tấn	788	16.000	125,0	748,0	94,92%	
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	160,64	650	39,86	201,8	125,65%	31,05%
	+ Diện tích thu hoạch	"	56,10	650	12	70	124,78%	10,77%
1.3.	Cây thực phẩm	Ha	12.364,5	30.800	1.430,2	12.417,5	100,43%	40,32%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	11.868,91	30.000	1.319,46	12.045,51	101,49%	40,15%
	+ Diện tích thu hoạch	"	9.542,56	30.000	2.716	10.520	110,24%	
	+ Năng suất	Tạ/ha	221,3	230,00	226,0	226	102,04%	
	+ Sản lượng	Tấn	211.154	690.000	61.390	237.542	112,50%	
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	496	800	111	372	75,06%	46,50%

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Thực hiện Tháng 4	Ước TH 4 tháng năm 2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Diện tích thu hoạch	"	88,00	800	15	79	89,77%	
	+ Năng suất	Tạ/ha	10,7	16,50	11,0	10,70	100,17%	
	+ Sản lượng	Tấn	94	1.320	16	84,00	89,36%	
1.4	Cây công nghiệp hàng năm		8.843	16.350	1.799	7.902	89,36%	48,33%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.626,26	5.000	394,00	3.471	95,73%	69,43%
	+ Diện tích thu hoạch	"	982,80	5.000	56	980	99,72%	
	+ Năng suất	Tạ/ha	47,70	53,00	48,0	46,7	97,90%	
	+ Sản lượng	Tấn	4.688	26.500	265	4.577		
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	4.048,13	5.500	1.203,63	3.266	80,69%	59,39%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.581,60	5.500	844	2.480	96,06%	
	+ Năng suất	Tạ/ha	1,096	1,091	1,090	1,090		
	+ Sản lượng	Tấn	282.843	600.000	92.381	270.320	95,57%	
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.168,80	2.500	201,47	1.165	99,65%	46,59%
	+ Diện tích thu hoạch	"	106,70	2.500	27	105	98,41%	
	+ Năng suất	Tạ/ha	94,5	100,00	95,90	95,8		
	+ Sản lượng	Tấn	1.008	25.000	261	1.006	99,79%	
1.5	Cây trồng khác	"						
	DT gieo trồng	ha	2.150,86	3.350	799,84	2.890	134,35%	86,26%
	DT thu hoạch	ha	412,00	3.350	234	450	109,22%	
2	Cây lâu năm							
II	CHĂN NUÔI							
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha						
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"						
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha						
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha						
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha						
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây						
2.	Khai thác							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
C	DIÊM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	28.837	43.000	4.264	30.059	104,24%	69,91%
1.1	Nuôi nước ngọt	"	612	3.500	79	546,67	89,39%	15,62%
	- Diện tích nuôi cá	"	327	2.000	78	376,67	115,27%	18,83%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	0	70	1	2	860,00%	3,07%
	+ Cá lóc	"	112	300	25	124	110,68%	41,44%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	285	1.500	1	170	59,69%	11,33%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	285	1.500	1	170		11,33%

Mã số	Chi tiêu	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Thực hiện Tháng 4	Ước TH 4 tháng năm 2017	% so sánh với		
						Cùng kỳ	Kế hoạch	
1.2.	- Diện tích nuôi khác							
	Nuôi nước mặn, lợ	28.226	39.500	4.186	29.512	104,56%	74,72%	
	- Diện tích nuôi cá							
	Trong đó: + cá giò, cá song							
	+ ...							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	28.226	38.500	4.186	29.427	104,26%	76,44%
	Trong đó: + Tôm sú	"	14.490	18.000	1.790	15.610	107,72%	86,72%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	1.808	6.000	936	2.447	135,36%	40,78%
	+ Cua biển	"	11.928	14.500	1.460	11.371	95,33%	78,42%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"		1.000	-	85		8,50%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	37.615	169.700	12.074	42.625	113,32%	25,12%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	16.700	101.300	5.840	21.309,9	127,60%	21,04%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	13.189	53.900	3.639	15.248	115,61%	28,29%
	- Sản lượng cá	"	13.060	53.200	3.625	14.770,20	113,10%	27,76%
	Trong đó: + Cá tra	"	1.454	10.000	1.384	4.245	291,93%	42,45%
	+ Cá lóc	"	7.617	26.500	1.705	7.230	94,92%	27,28%
	- Sản lượng giáp xác	"	130	700	14	478		68,26%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	130	700	14	478	369,11%	68,29%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
4.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	3.511	47.400	2.201	6.062	172,66%	12,79%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...	"						
	- Sản lượng tôm nuôi	"	3.436	44.700	2.106	5.599	162,95%	12,53%
	Trong đó: + Tôm sú	"	792	11.700	613,27	1.382	174,52%	11,81%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	2.006	25.000	1.020,39	3.044	151,78%	12,18%
	+ Nuôi cua biển	"	639	8.000	472,40	1.173		14,67%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	75	2.700	95	463	619,00%	17,14%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	20.915	68.400	6.234,4	21.316	101,92%	31,16%
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	17.731	55.700	5.510	18.271	103,05%	32,80%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	7.083	22.500	2.075	8.129	114,77%	36,13%
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	2.541	7.200	879	2.507	98,67%	34,82%
	Trong đó: - Tôm...	"						
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Thực hiện Tháng 4	Ước TH 4 tháng năm 2017	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ SL hải sản khác khai thác	"	8.108	26.000	2.557	7.636	94,18%	29,37%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	3.184	12.700	724,57	3.044	95,61%	23,97%
	<i>Trong đó:</i> - Cá các loại	"	1.425	5.700	366	1.576		27,65%
	- Tôm các loại	"	1.234	4.000	160	934	75,69%	23,34%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	526	3.000	199	535	101,69%	17,82%